



Công ty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình  
*Tan Binh culture Joint Stock Company*

Số/No : 21/2026/VB-ALT  
V/v : Công bố thông tin  
*Disclosure of information*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*\*\*-----

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----\*\*\*\*\*-----

TP.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2026  
*Ho Chi Minh City, August 29<sup>th</sup>, 2026*

Kính gửi/To: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC / STATE SECURITIES  
COMMISSION  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI / *HA NOI STOCK  
EXCHANGE*

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**  
*Name of organization: ALTA COMPANY*

2. Mã chứng khoán niêm yết/Ticker symbol: **ALT**

3. Địa chỉ: Lô II-3. Nhóm CN II. Đường số 11. KCN Tân Bình. P. Tây Thạnh. Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
*Address: Lot II-3, Group CN2, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, VietNam*

4. Điện thoại/tel: 028. 3816 2884 - Web: <https://alta.com.vn/>

5. Người thực hiện công bố thông tin/*Person making information disclosure*: Ông/Mr: **Hoàng Minh Anh Tú** - Chức vụ/Position: Tổng Giám đốc/*Chief Executive Officer*

6. Nội dung công bố / *Contents of information disclosure* :

**Giải trình kết quả kinh doanh Công ty mẹ bán niên năm 2026 trước kiểm toán và sau kiểm toán**

*Explanation of the Interim Separate financial statements in 2026 Before and After Audit:*

| Chỉ tiêu                                         | Trước kiểm toán | Sau kiểm toán  | Chênh lệch      | Giải trình                                                                                       |
|--------------------------------------------------|-----------------|----------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Giá vốn hàng bán                              | 34,859,685,640  | 36,668,882,619 | 1,809,196,979   | Điều chỉnh chi phí Giá vốn và chi phí QLDN                                                       |
| 2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 9,130,641,744   | 7,321,444,765  | (1,809,196,979) | Do thay đổi các yếu tố trên                                                                      |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 3,442,841,894   | 3,386,155,686  | (56,686,208)    | Bổ sung trích lãi tiền gửi 1.146.513.792 đ và giảm trích cổ tức công ty liên kết 1.203.200.000 đ |

| Chỉ tiêu                                    | Trước kiểm toán | Sau kiểm toán | Chênh lệch      | Giải trình                                 |
|---------------------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|--------------------------------------------|
| 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 8,729,685,735   | 6,920,488,756 | (1,809,196,979) | Điều chỉnh chi phí Giá vốn và chi phí QLDN |
| 5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh  | 2,069,851,041   | 2,013,164,833 | (56,686,208)    | Do thay đổi các yếu tố trên                |
| 6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế        | 2,052,713,156   | 1,996,026,922 | (56,686,234)    | Do thay đổi các yếu tố trên                |
| 7. Chi phí thuế TNDN hiện hành              | 173,896,569     | 403,199,328   | 229,302,759     | Do thay đổi các yếu tố trên                |
| 8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1,878,816,587   | 1,592,827,594 | (285,988,993)   | Do thay đổi các yếu tố trên                |

1420079  
**ÔNG TY**  
**PHÂN**  
**AN HÓA**  
**AN BÌNH**  
**HỖ HỒ CH**

| Indicator                                                    | Before Audit   | After Audit    | Difference      | Explanation                                                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------|----------------|----------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 Cost of Goods Sold                                         | 34,859,685,640 | 36,668,882,619 | 1,809,196,979   | Adjustments to Cost of Goods Sold and General and Administrative Expenses                                                                  |
| 2 Gross profit from sales of goods and rendering of services | 9,130,641,744  | 7,321,444,765  | (1,809,196,979) | Due to changes in the aforementioned factors                                                                                               |
| 3 Financial income                                           | 3,442,841,894  | 3,386,155,686  | (56,686,208)    | Recognition of additional deposit interest (VND 1,146,513,792) and a reduction in accrued dividends from an associate (VND 1,203,200,000). |
| 4 General and administrative expense                         | 8,729,685,735  | 6,920,488,756  | (1,809,196,979) | Adjustments to Cost of Goods Sold and General and Administrative Expenses                                                                  |
| 5 Net profit from operating activities                       | 2,069,851,041  | 2,013,164,833  | (56,686,208)    | Due to changes in the aforementioned factors                                                                                               |
| 6 Total net profit before tax                                | 2,052,713,156  | 1,996,026,922  | (56,686,234)    | Due to changes in the aforementioned factors                                                                                               |
| 7 Current corporate income tax expenses                      | 173,896,569    | 403,199,328    | 229,302,759     | Due to changes in the aforementioned factors                                                                                               |
| 8 Profit After Corporate Income Tax                          | 1,878,816,587  | 1,592,827,594  | (285,988,993)   | Due to changes in the aforementioned factors                                                                                               |

Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình xin giải trình các lý do chênh lệch về kết quả kinh doanh giữa trước và sau kiểm toán như trên cho niên độ kế toán bán niên năm 2026.

*ALTA Company would like to provide an explanation for the differences in business results before and after the audit as stated above for the interim fiscal year 2026*

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ công bố thông tin: **www.alta.com.vn**  
*Website address for full information disclosure publication*

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

*We sincerely thank you and respectfully extend our greetings.*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CHIEF EXECUTIVE OFFICER**



**HOÀNG MINH ANH TÚ**  
**Tổng Giám Đốc**